TOÀ ÁN NHÂNDÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2019/HNGĐ-ST Ngày 12-9-2019 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh và ông Nguyễn Công Đạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 128/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 07 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993 - có mặt;

ĐKHKTT: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư Tr , phường Đ, thành phố C , tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1990 - vắng mặt;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1956 - vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969 - vắng mặt;

Địa chỉ: Khu dân cư Tr , phường Đ, thành phố C , tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2019 cùng bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/8/2014 (Giấy đăng ký số 22/2014, quyển số 1). Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm tháng thì phát sinh mâu Thẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm và cách sống, cũng như cách làm ăn kinh tế. Anh L cho rằng chị không chung thủy nên thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên mâu Thẫn. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ chị ở, anh L đã sang xin lỗi chị, chị đã về sống cùng anh. Tuy nhiên sau khi chị sinh con, anh L vẫn không thay đổi và không chăm lo đến kinh tế gia đình. Vì vậy chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh L.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Bùi Ngọc B, sinh ngày 14/11/2016 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại các bản tự khai tại Tòa án anh Bùi Văn L trình bày: Anh xác nhận thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị Th trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu Thẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về cách làm ăn kinh tế, chị Th cho rằng anh không lo được kinh tế cho gia đình nên đòi đi lao động nước ngoài, nhưng anh không đồng ý, vì vậy vợ chồng mâu Thẫn. Chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2019. Anh và gia đình anh sang tìm chị về nhiều lần nhưng chị Th không về. Nay anh xác định vợ chồng có mâu Thẫn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị Th xin ly hôn anh không đồng ý.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Bùi Ngọc B, sinh ngày 14/11/2016 hiện chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh xin nuôi con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Thu nhập của anh một tháng 5.000.000đ đến 6.000.000đ, anh đủ điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của những người làm chứng:

Ông Bùi Văn L (bố đẻ anh L) trình bày: Sau khi kết hôn anh L và chị Th về sống chung tại gia đình ông. Quá trình chung sống anh chị có mâu Thẫn do bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, chị Th muốn đi lao động nước ngoài nhưng gia đình ông không đồng ý. Sau đó vợ chồng anh L cãi nhau, chị Th bỏ về nhà đẻ từ tháng 5/2019 đến nay. Gia đình ông cũng đã đến tìm nhiều lần nhưng chị Th không

về. Quan điểm của gia đình ông muốn vợ chồng anh L đoàn tụ, còn chị Th cố tình xin ly hôn thì tùy Tòa giải quyết theo pháp luật. Vợ chồng anh L có 01 con chung là Bùi Ngọc B, sinh năm 2016. Nếu vợ chồng anh L ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cho anh L nuôi dưỡng, gia đình ông sẽ tạo điều kiện để giúp anh L chăm sóc cháu.

Bà Nguyễn Thị L (mẹ chị Th) trình bày: Quá trình vợ chồng anh L chung sống từ năm 2014 đến nay có nhiều mâu Thẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau. Chị Th là công nhân, đi làm tăng ca về muộn thì anh L cho rằng chị ngoại tình nên thường xuyên cãi nhau. Chị Th đã bỏ về nhà bà ở, anh L cũng đã hứa hẹn thay đổi cách nghĩ, cách sống, gia đình bà đã động viên chị Th về đoàn tụ. Tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại mâu Thẫn. Không chịu đựng được cuộc sống với anh L, chị Th về gia đình bà sống từ tháng 3/2019 đến nay. Quan điểm của gia đình bà: Hiện tại mâu Thuẫn giữa chị Th, anh L đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th ly hôn anh L. Vợ chồng chị Th có 01 con chung, hiện cháu đang ở với chị Th. Cháu còn nhỏ nên đề nghị Tòa giao cho chị Th nuôi, gia đình bà sẽ tạo điều kiện, hỗ trợ cho chị Th chăm sóc cháu.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Bùi Văn L, giữ nguyên yêu cầu xin nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Anh Bùi Văn L vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến các phiên họp hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh L là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn Bùi Văn L. Về con chung: Giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc B, sinh ngày 14/11/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên, bị đơn đều xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Bùi Văn L đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Văn L kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng về cách sống, không thống nhất được việc định hướng và cách làm ăn kinh tế gia đình, không tin tưởng nhau nên phát sinh mâu Thẫn. Tháng 4/2019 chị Th đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sống. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần động viên khuyên anh chị về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng anh nên xin ly hôn. Anh L xin đoàn tụ nhưng không có giải pháp tháo gỡ mâu Thuẫn. Tòa án thông báo anh đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh không có mặt, thể hiện anh không muốn hòa giải để giải quyết mâu Thuẫn giữa hai bên. Chứng tỏ mâu Thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th.

[2] *Về quan hệ con chung:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Văn L có 01 con chung là Bùi Ngọc B, sinh ngày 14/11/2016. Anh L và chị Th đều có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu bên không nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng xin nuôi con của các bên đều chính đáng. Tuy nhiên do cháu Bùi Ngọc B còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hiện chị Th vẫn đang nuôi cháu ổn định. Thu nhập của chị Th hiện nay 5.000.000đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con chung. Mẹ đẻ chị Th cũng xác định tạo điều kiện giúp đỡ chị Th trong việc nuôi con. Vì vậy giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu B là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Th xin nuôi con không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu của chị Th là tự nguyện cần được chấp nhận.

[3] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Văn L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Bùi Văn L.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc B, sinh ngày 14/11/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Bùi Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th vì chị Th không yêu cầu và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AA/2017/000 8308 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã Thanh Quang , H. Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thị Liên